TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 09 - 7 - 2020
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông: Lê Hồng Sơn
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà: Đặng Thị Thu.
Ông: Dương Đức Bản.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Nga - Thư ký TAND thành phố Đồng Hới.

Ngày 09 tháng 7 năm 2020, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 95/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/6/2020, quyết định hoãn phiên tòa số 26/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24/6/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị Hoài N, sinh năm 1983; nơi ĐKHK thường trú: Thôn R, xã N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Nơi làm việc: Công ty TMNHH N - Quảng Bình. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Anh Tạ Văn M, sinh năm 1976; Nơi ĐKHK tạm trú: Thôn R, xã N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Nơi làm việc: Công ty TNHH Đầu tư - Sản xuất Thương mại - Dịch vụ T; địa chỉ: Số x Phạm Ngọc T, phường P, TP. T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện đề ngày 22/4/2020, bổ sung tại bản tự khai, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên toà, nguyên đơn chị Đỗ Thị Hoài Như trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Hoài N và anh Tạ Văn M xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu; hai bên chung sống với nhau có 01 con chung sinh ngày 25/8/2015, sau đó ngày 27/02/2018 vợ chồng mới đến đăng ký kết hôn tại UBND xã N, TP. Đ. Sau khi kết hôn không lâu vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, do vợ chồng làm ăn thua lỗ dẫn đến kinh tế khó khăn, chị N

một mình gánh vác gia đình nuôi con và trả nợ. Anh M đi làm chỉ để nuôi sống bản thân, không quan tâm đến vợ con, từ đó vợ chồng thường bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp tính tình, hai bên thiếu tôn trọng nhau nên thường xuyên xãy ra cải vả. Từ tháng 6/2018 mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng mỗi người sống mỗi nơi, hai bên sống ly thân không ai quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N làm đơn xin được ly hôn anh Mạnh.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung cháu Tạ Đỗ Thùy A, sinh ngày 25/8/20015, hiện cháu sống cùng chị N, sau ly hôn chị N xin được trực tiếp nuôi con, yêu cầu anh M đóng góp cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết.

* Trong bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 12/5/2020, bị đơn anh Tạ Văn M trình bày: Về quá trình tìm hiểu, kết hôn và chung sống của vợ chồng như chị N đã trình bày là đúng. Quá trình sống chung vợ chồng rất hòa thuận, hạnh phúc không có mâu thuẫn gì lớn xãy ra; nhưng đến năm 2018 do vợ chồng làm ăn thua lỗ dẫn đến kinh tế khó khăn, nợ nần; anh M phải lo đi xa làm ăn để cùng nhau trả nợ nhưng do kinh tế khó khăn, công việc thu nhập không ổn định nên chưa có điều kiện để bù đắp cho gia đình vợ con. Mặt khác, gần đây vợ chồng sống xa nhau nên tình cảm của chị N đối với anh có phần phai nhạt; tuy nhiên anh M vẫn yêu thương vợ con như xưa tình cảm vợ chồng không có gì thay đổi, nguyện vọng của anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái trưởng thành, anh không chấp nhận ly hôn. Anh M đề nghị Tòa án tạo điều kiện cho anh một thời gian để hai bên về tự sắp xếp hòa giải rồi đi đến quyết định.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung cháu Tạ Đỗ Thùy A, sinh ngày 25/8/20015. Nếu hai bên không tự hòa giải được và Tòa xử cho vợ chồng ly hôn anh chấp nhận như nguyện vọng của chị N giao con chung cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng, anh M đóng góp cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu tròn 18 tuổi.

- Về nợ chung và tài sản chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ đơn khởi kiện của chị Đỗ Thị Hoài N, đây là vụ án hôn nhân gia đình về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn có nơi cư trú tại TP. Đồng Hới nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Xét quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã đến Tòa tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ nhất. Sau đó ngày 14/5/2020 anh Tạ Văn M có đơn xin vắng mặt trong các phiên hòa giải tiếp theo và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ để hòa giải tiếp theo nhưng anh M đều vắng mặt. Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập bị đơn đến phiên toà đã được Toà án tống đạt hợp lệ, tại phiên toà ngày 24/6/2020 anh Tạ Văn M vắng mặt lần thứ nhất nên Toà án đã hoãn phiên toà. Quyết định hoãn phiên toà có ấn định thời gian địa điểm mở lại phiên toà lần thứ hai đã được tống đạt hợp lệ cho bị đơn, tại phiên toà hôm nay anh M tiếp tục vắng mặt lần thứ hai. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Hoài N và anh Tạ Văn M xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cấp có thẩm quyền. Vì vậy, hôn nhân của hai người là hoàn toàn hợp pháp. Lẽ ra, anh chị phải biết thương yêu, chung thuỷ, nhường nhịn, tôn trọng nhau, cùng nhau chia sẻ khó khăn xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhưng ngược lại, anh chị đã không làm được điều đó để giữ gìn hôn nhân bền vững. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, thiếu sự chia sẻ trách nhiệm, mâu thuẫn kéo dài và ngày càng căng thẳng, hai bên sống ly thân không ai quan tâm đến ai; chị Như xác định hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống hạnh phúc kiên quyết xin được ly hôn. Trong phiên hòa giải ngày 12/5/2020 anh M có nguyện vọng mong muốn vợ chồng trở lại đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con, tuy nhiên sau đó Tòa án đã nhiều lần triệu tập hòa giải để hai bên đoàn tụ, anh M lại xin vắng mặt không tham gia các phiên hòa giải tiếp theo và đề nghị Tòa án xử vắng mặt anh. Anh M bỏ mặc không đến Tòa để được hòa giải và không có biện pháp gì để níu kéo hạnh phúc, vợ chồng vẫn tiếp tục sống ly thân mỗi người một nơi không ai quan tâm đến ai không thực hiện quyền và nghĩa vụ của vợ chồng trong đời sống. Điều này chứng tỏ rằng mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng không thể khắc phục, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, không thể sống chung hạnh phúc nên Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho vợ chồng ly hôn là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị N và anh M đều khai có 01 con chung cháu Tạ Đỗ Thùy A, sinh ngày: 25/8/2015. Chị N đề nghị được trực tiếp nuôi con yêu cầu anh M đóng góp cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng; trường hợp hai bên không tự hòa giải được và Tòa xử cho vợ chồng ly hôn, anh M chấp nhận nguyện vọng được nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng của chị N đề nghị. Hội đồng xét xử thấy đề nghị của hai bên là phù hợp điều kiện thực tế và hoàn toàn phù hợp quy định tại các điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận giao con chung cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng, anh M đóng góp cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu tròn 18 tuổi.

[2.3] Về tài sản chung: Hai bên không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị Đỗ Thị Hoài N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, anh Tạ Văn M phải chịu 300.000 đồng án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị Hoài N được ly hôn anh Tạ Văn M.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cháu Tạ Đỗ Thùy A, sinh ngày: 25/8/2015 cho chị Đỗ Thị Hoài N được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; anh Tạ Văn M có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 7/2020 cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc con chung; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà giải quyết nên không xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đỗ Thị Hoài N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn; số tiền chị N phải nộp được khấu trừ từ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự TP. Đồng Hới theo biên lai số AA/2017/ 0006412 ngày 27 tháng 4 năm 2020. Anh Tạ Văn M phải chịu nộp 300.000 đồng án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ để sung quỹ nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND TP Đồng Hới;
- TAND Tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THA DS TP Đồng Hới;
- Các đương sự.
- UBND xã N, TP.Đ, QB;
- Lưu án, Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Hồng Sơn